

Thạch Thành, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Hoàng Đình T; sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Bùi Thị N; sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Hoàng Đình T và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Nghĩ nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh T và chị N.

[2]. Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Hoàng Đình T, sinh ngày 04/5/2013 và Hoàng Thị T, sinh ngày 08/11/2014. Ly hôn, anh T và chị N thỏa thuận, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị N thỏa thuận, anh T là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đình T và chị Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị N thống nhất, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 04/5/2013, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 08/11/2014, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Anh Hoàng Đình T tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số:AA/2018/0003075 ngày 12/4/2021. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc